

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI  
\*\*\*\*\*

**NGUYỄN VĂN ĐIỆP**

**NGHIÊN CỨU ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH  
CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT Ở CÁC ĐÔ THỊ VIỆT NAM**

**LUẬN ÁN TIẾN SỸ KINH TẾ**

**HÀ NỘI 2011**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI**  
\*\*\*\*\*

**NGUYỄN VĂN ĐIỆP**

**TÊN LUẬN ÁN:**

**NGHIÊN CỨU ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH  
CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT Ở CÁC ĐÔ THỊ VIỆT NAM**

**CHUYÊN NGÀNH: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ VẬN TẢI.**

**MÃ NGÀNH : 62-84-10.01**

**LUẬN ÁN TIẾN SỸ KINH TẾ**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS, TS Nguyễn Văn Thụ.**

**HÀ NỘI - 2011**

## LỜI CAM ĐOAN

*Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, không sao chép. Các số liệu và kết quả trong luận án này là trung thực và có nguồn gốc rõ ràng.*

*Nghiên cứu sinh.*

*Nguyễn Văn Điệp*

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT.

BX: Bến xe.

BRT: (*Bus Rapid Transit*): Xe buýt tốc hành có làn dành riêng.

DN: Doanh nghiệp.

ĐT: Đô thị.

GTĐT: Giao thông đô thị.

GTVT: Giao thông vận tải.

HK: Hành khách.

HTX: Hợp tác xã.

LLSX: Lực lượng sản xuất.

NCVC: Nhu cầu vận chuyển.

NXB: Nhà xuất bản.

PTĐL: Phương tiện đi lại.

PTĐLCN: Phương tiện đi lại cá nhân.

PTVT: Phương tiện vận tải.

QĐ: Quyết định.

TNHH: Trách nhiệm hữu hạn.

TP: Thành phố

TP.HCM: Thành phố Hồ Chí Minh.

UMRT: (*Urban Mass Rapid Transit*) Vận tải đô thị khối lượng lớn, tốc độ cao

VTHKCC: Vận tải hành khách công cộng.

XH: Xã hội.

# MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
<b>MỞ ĐẦU.</b>	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG 1</b>	
<b>CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HỆ THỐNG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG VÀ ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT ĐÔ THỊ</b>	<b>5</b>
<b>1.1. HỆ THỐNG GIAO THÔNG VẬN TẢI ĐÔ THỊ</b>	<b>5</b>
1.1.1. Nhu cầu đi lại của người dân đô thị.	5
1.1.2. Thành phần giao thông vận tải đô thị.	7
1.1.3. Vận tải hành khách công cộng đô thị.	9
1.1.4. Phương tiện đi lại cá nhân.	15
1.1.5. Đặc điểm của giao thông vận tải đô thị.	17
1.1.6. Đặc điểm GTVT ở đô thị Việt Nam.	21
<b>1.2. HỆ THỐNG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT</b>	<b>22</b>
1.2.1. Hệ thống VTHKCC đô thị.	22
1.2.2. Hệ thống VTHKCC bằng xe buýt trong đô thị.	23
<b>1.3. QUAN ĐIỂM CỦA CÁC CHỦ THỂ TRONG XÃ HỘI VỀ VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT</b>	<b>25</b>
1.3.1. Quan điểm của cơ quan quản lý Nhà nước.	25
1.3.2. Quan điểm của hành khách.	30
1.3.3. Quan điểm của doanh nghiệp.	33
<b>1.4. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT</b>	<b>34</b>
1.4.1. Khái niệm và phân loại.	34
1.4.2. Phương pháp đánh giá.	36
1.4.3. Khái niệm, phân loại và bản chất của chỉ tiêu.	37
1.4.4. Mối quan hệ giữa các chỉ tiêu.	43

## CHƯƠNG 2

### **THỰC TRẠNG VỀ ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT Ở VIỆT NAM VÀ KINH NGHIỆM THẾ GIỚI** 47

#### **2.1. THỰC TRẠNG VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ Ở VIỆT NAM** 47

2.1.1. Khái quát chung về phát triển đô thị ở Việt Nam 47

2.1.2. Phân loại đô thị ở Việt nam 48

2.1.3. Quan điểm và mục tiêu phát triển đô thị 49

2.1.4. Định hướng chiến lược phát triển ĐT Việt nam đến năm 2020. 49

2.1.5. Phát triển giao thông đô thị ở Việt Nam. 51

#### **2.2. HIỆN TRẠNG VỀ GIAO THÔNG ĐÔ THỊ Ở VIỆT NAM** 52

2.2.1. Hiện trạng về giao thông Thành phố Hà Nội. 52

2.2.2. Hiện trạng VTHKCC bằng xe buýt ở thành phố Hà Nội 56

2.2.3. Hiện trạng giao thông TP Hồ Chí Minh. 65

2.2.4. Hiện trạng VTHKCC bằng xe buýt ở TP Hồ Chí Minh. 71

2.2.5. Hiện trạng vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt ở Việt Nam 72

#### **2.3. HIỆN TRẠNG CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT Ở ĐÔ THỊ VIỆT NAM** 83

2.3.1. Về chủ thể đánh giá 83

2.3.2. Về Nội dung đánh giá. 84

2.3.3. Về thời gian đánh giá. 84

2.3.4. Về phương pháp đánh giá 84

2.3.5. Về chỉ tiêu sử dụng khi đánh giá 84

#### **2.4. HIỆN TRẠNG VỀ ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG TRÊN THẾ GIỚI** 86

2.4.1. Vài nét về hệ thống vận tải hành khách công cộng của một số  
quốc gia trên thế giới 86

2.4.2. Về vấn đề đánh giá hệ thống VTHKCC đô thị một số nước trên TG 90

### CHƯƠNG 3.

<b>HOÀN THIỆN PHƯƠNG PHÁP VÀ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT Ở CÁC ĐÔ THỊ VIỆT NAM</b>	<b>95</b>
<b>3.1. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT Ở ĐÔ THỊ</b>	<b>95</b>
3.1.1. Trên góc độ Nhà nước.	95
3.1.2. Trên góc độ Hành khách.	97
3.1.3. Trên góc độ Doanh nghiệp	97
<b>3.2. YẾU TỐ ĐẶC TRƯNG CỦA HỆ THỐNG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT</b>	<b>98</b>
3.2.1. Mạng lưới tuyến, số lượng tuyến	98
3.2.2. Tỷ lệ phủ tuyến.	101
3.2.3. Cơ cấu mạng lưới tuyến VTHKCC bằng xe buýt.	102
3.2.4. Cơ sở hạ tầng của hệ thống vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt	105
3.2.5. Các chỉ tiêu thể hiện về số lượng phương tiện vận tải.	110
3.2.6. Chỉ tiêu về lao động trong hệ thống VTHKCC bằng xe buýt.	111
3.2.7. Mối quan hệ giữa các yếu tố của hệ thống vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và mục tiêu của hệ thống	116
<b>3.3. ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT</b>	<b>117</b>
3.3.1. Khái niệm, chủ thể đánh giá và thời điểm đánh giá và nguyên tắc đánh giá	117
3.3.2. Mục đích và chỉ tiêu đánh giá khi thẩm định dự án VTHKCC bằng xe buýt	120
3.3.3. Mục đích và chỉ tiêu đánh giá việc triển khai hệ thống VTHKCC bằng xe buýt	125
3.3.4. Mục đích và chỉ tiêu đánh giá hệ thống VTHKCC bằng xe buýt đã đưa vào vận hành.	131
<b>3.4. HOÀN THIỆN HỆ THỐNG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT</b>	<b>143</b>
3.4.1. Ý nghĩa.	143

3.4.2. Xác định mức độ ảnh hưởng của từng chỉ tiêu đến mục tiêu của hệ thống	143
3.4.3. Hoàn thiện hệ thống vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt	144
3.4.4. Hoàn thiện một số nội dung của hệ thống VTHKCC.	145
<b>3.5. ỨNG DỤNG VÀO THỰC TIỄN PHƯƠNG PHÁP VÀ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG HTVTHKCC BẰNG XE BUÝT Ở HÀ NỘI</b>	148
3.5.1. Lựa chọn phương pháp đánh giá	148
3.5.2. Dữ liệu đầu vào sử dụng để đánh giá	148
3.5.3. Đánh giá hiện trạng hệ thống VTHKCC bằng xe buýt ở Hà nội.	148
<b>KẾT LUẬN.</b>	150
<b>DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN</b>	152
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	153
<b>PHỤ LỤC</b>	157



## MỤC LỤC BẢNG

NỘI DUNG BẢNG	TRANG
<i>Bảng 1-1:</i> Quy mô dân số và phương tiện đi lại chủ yếu.	14
<i>Bảng 1-2:</i> Mục tiêu về tỷ lệ đảm nhận nhu cầu đi lại năm 2020 TP Hà Nội	26
<i>Bảng 1-3:</i> Số liệu về hệ thống tàu điện ngầm một số đô thị trên TG.	28
<i>Bảng 2-1:</i> Hiện trạng mạng lưới đường TP Hà Nội.	54
<i>Bảng 2-2:</i> Thời gian hoạt động các tuyến xe buýt trên địa bàn Hà Nội.	58
<i>Bảng 2-3:</i> Điểm dừng và nhà chờ trên tuyến.	60
<i>Bảng 2-4:</i> Cơ cấu phương tiện VTHKCC theo đơn vị chủ quản – 2008.	63
<i>Bảng 2-5:</i> Số lượng phương tiện GT một số ĐT lớn Việt Nam- 2010.	64
<i>Bảng 2-6:</i> Sản lượng vận tải hành khách bằng xe buýt thành phố Hà Nội.	64
<i>Bảng 2-7:</i> Hiện trạng mạng lưới đường TP.Hồ Chí Minh.	66
<i>Bảng 2-8:</i> Một số chỉ tiêu xe buýt TP Hồ Chí Minh năm 2009.	72
<i>Bảng 2-9:</i> Dân số, xe máy, xe con TP Hồ Chí Minh	74
<i>Bảng 2-10:</i> Dự báo về tỷ lệ đảm nhận NCDL của các PTVT TP Hồ Chí Minh.	75
<i>Bảng 2-11:</i> Số liệu về hệ thống tàu điện ngầm một số đô thị trên Thế giới.	87
<i>Bảng 2-12:</i> Một số chỉ tiêu thường dùng khi đánh giá hệ thống giao thông ở Mỹ	91
<i>Bảng 2-13:</i> Một số chỉ tiêu thường dùng khi đánh giá hệ thống GT ở Châu Âu.	92
<i>Bảng 2-14:</i> Chỉ tiêu đánh giá VTHKCC và giao thông đô thị ở Nga	93
<i>Bảng 3-1:</i> Bảng tổng hợp các chỉ tiêu thể hiện hiện trạng hệ thống VTHKCC.	113
<i>Bảng 3-2:</i> Kết quả so sánh việc triển khai dự án.	130
<i>Bảng 3-3:</i> Trọng số các chỉ tiêu ảnh hưởng đến mục tiêu của hệ thống VTHKCC	133
<i>Bảng 3-4:</i> Bảng xác định số điểm đánh giá của chỉ tiêu định tính	135
<i>Bảng 3-5:</i> Bảng xác định số điểm đánh giá của chỉ tiêu định lượng.	136
<i>Bảng 3-6:</i> Bảng xác định số điểm đánh giá của chỉ tiêu “Số tuyến”.	137
<i>Bảng 3-7:</i> Tính điểm và kết luận về hiện trạng hệ thống.	139
<i>Bảng 3-8:</i> Kết quả đánh giá hệ thống đã hoạt động.	140

## MỤC LỤC HÌNH VÀ SƠ ĐỒ

<b>NỘI DUNG HÌNH VÀ SƠ ĐỒ</b>	<b>TRANG</b>
<i>Hình 1-1:</i> Sơ đồ hệ thống GTVT đô thị.	8
<i>Hình 1-2:</i> Phương tiện vận tải hành khách đô thị.	9
<i>Hình 1-3:</i> Tổng quát về hệ thống VTHKCC đô thị.	23
<i>Hình 1-4:</i> Các yếu tố của hệ thống VTHKCC.	23
<i>Hình 1-5:</i> Các yếu tố của hệ thống VTHKCC bằng xe buýt	24
<i>Hình 1-6:</i> Phân loại đánh giá HTVTHKCC bằng xe buýt.	36
<i>Hình 1-7:</i> Quy trình chấm điểm và kết luận.	37
<i>Hình 1-8:</i> Sơ đồ phân loại chỉ tiêu.	43
<i>Hình 2-1:</i> Một số hình ảnh về sân bay Nội Bài – Hà Nội.	56
<i>Hình 2-2:</i> Hình ảnh về xe buýt xuống cấp gây ô nhiễm khói bụi.	63
<i>Hình 2-3:</i> Sơ đồ sản lượng VTHKCC TP Hà Nội một số năm.	65
<i>Hình 2-4:</i> Một số hình ảnh về tuyến đường sông TP Hồ Chí Minh.	69
<i>Hình 2-5:</i> Một số hình ảnh về cảng biển TP Hồ Chí Minh.	69
<i>Hình 2-6:</i> Một số hình ảnh về sân bay Tân Sơn Nhất- TP Hồ Chí Minh.	72
<i>Hình 2-7:</i> Hình ảnh về hệ thống tàu điện ngầm ở Paris- Ga St Lazare – Pháp.	88
<i>Hình 2-8:</i> Hình ảnh về tàu điện ngầm ở Ga Grand Central thành phố Newyork	88
<i>Hình 2-9:</i> Hình ảnh về nhà ga Kiep - Tàu điện ngầm ở Moskva – Nga.	90
<i>Hình 3-1:</i> Sơ đồ quan hệ chiều thuận giữa quy mô và mục tiêu của hệ thống VTHKCC bằng xe buýt.	95
<i>Hình 3-2:</i> Sơ đồ quan hệ chiều ngược giữa quy mô và mục tiêu của hệ thống VTHKCC bằng xe buýt.	96
<i>Hình 3-3:</i> Sơ đồ lựa chọn hình thức đầu tư cho hệ thống VTHKCC bằng xe buýt.	96
<i>Hình 3-4:</i> Hệ thống chỉ tiêu biểu hiện hiện trạng hệ thống VTHKCC bằng xe buýt	115
<i>Hình 3-5:</i> Sơ đồ quan hệ giữa các chỉ tiêu của hệ thống và mục tiêu hệ thống.	116
<i>Hình 3-6:</i> Sơ đồ Các giai đoạn đánh giá hệ thống VTHKC bằng xe buýt.	119
<i>Hình 3-7:</i> Sơ đồ đánh giá về sự đáp ứng các yêu cầu cơ bản của VTHKCC bằng xe buýt .	123